

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nội dung về lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 644/TTr-SNNMT ngày 22/5/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung; 02 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Giao các cơ quan, địa phương:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử, tái cấu trúc quy trình trong giải quyết TTHC theo nội dung phê duyệt tại Quyết định này và các quy định có liên quan đến việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường niêm yết công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo Quyết định này và Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành theo Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Sửa đổi TTHC tương ứng được công bố tại STT số 1 mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 11/2/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Bãi bỏ TTHC tương ứng được công bố tại STT số 2 và STT số 5 mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 11/2/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Cục CDS (Văn phòng CP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP.Nam, Trung tâm TT, NC;
- Lưu: VT, TTPVHCCPNhung, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

T T	Mã TTHC	Tên TTHC	Cách thức thực hiện	Địa điểm/cơ quan thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý quy định sửa đổi, bổ sung TTHC																																																								
1	1.010733 .H05	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Trực tuyến toàn trình tại địa chỉ: <a href="http://dichvu.cong.gov.vn">http://dichvu cong.gov.vn</a> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.	- Nơi tiếp nhận hồ sơ hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; địa chỉ tầng 1 và tầng 2 (giữa 2 toà nhà A, B) Khu liên cơ quan, Quảng trường 3/2, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh. + Điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC phường Kinh Bắc; địa chỉ: số 31 đường Kinh Dương Vương, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh. + Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (trong trường hợp thực hiện nộp hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: <b>* Trước ngày 01 tháng 7 năm 2026:</b> + Không quá 20 ngày đối với dự án đầu tư nhóm II; + Không quá 10 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. <b>* Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026:</b> + Không quá 20 ngày đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Không quá 10 ngày đối với trường hợp dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.	Thực hiện theo Nghị quyết số 86/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 <table border="1"><thead><tr><th>TT</th><th>Nhóm dự án</th><th>Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng</th><th>Tổng mức đầu tư &gt;50 và ≤ 100 tỷ Đồng</th><th>Tổng mức đầu tư &gt;100 và ≤ 200 tỷ Đồng</th><th>Tổng mức đầu tư &gt;200 và ≤ 500 tỷ Đồng</th><th>Tổng mức đầu tư &gt; 500 tỷ Đồng</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường</td><td>5</td><td>6,5</td><td>12</td><td>14</td><td>17</td></tr><tr><td>2</td><td>Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng</td><td>6,9</td><td>8,5</td><td>15</td><td>16</td><td>25</td></tr><tr><td>3</td><td>Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật</td><td>7,5</td><td>9,5</td><td>17</td><td>18</td><td>25</td></tr><tr><td>4</td><td>Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</td><td>7,8</td><td>9,5</td><td>17</td><td>18</td><td>24</td></tr><tr><td>5</td><td>Nhóm 5: Dự án giao thông</td><td>8,1</td><td>10</td><td>18</td><td>20</td><td>25</td></tr><tr><td>6</td><td>Nhóm 6: Dự án công nghiệp</td><td>8,4</td><td>10,5</td><td>19</td><td>20</td><td>26</td></tr><tr><td>7</td><td>Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)</td><td>5</td><td>6</td><td>10,8</td><td>12</td><td>15,6</td></tr></tbody></table> <p>Đơn vị tính: Triệu đồng/hồ sơ</p> - Trường hợp thẩm định lại: Mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu tại biểu mức trên. - Tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu trên.	TT	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng	1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5	12	14	17	2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15	16	25	3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17	18	25	4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17	18	24	5	Nhóm 5: Dự án giao thông	8,1	10	18	20	25	6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26	7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	6	10,8	12	15,6	- Nghị quyết số 66.19/2026/NQCP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 22/2026/TTBNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
TT	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng																																																									
1	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5	12	14	17																																																									
2	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15	16	25																																																									
3	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17	18	25																																																									
4	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17	18	24																																																									
5	Nhóm 5: Dự án giao thông	8,1	10	18	20	25																																																									
6	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19	20	26																																																									
7	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	6	10,8	12	15,6																																																									

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.010735.H05	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	UBND cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.010730.H05	Cấp lại giấy phép môi trường	UBND cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường